

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần PGT Holdings (Mã CK: PGT).

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM.

Công ty Cổ phần PGT Holdings (Sau đây gọi tắt là "PGT") xin được Giải trình biến động kết quả kinh doanh (KQKD) Báo cáo tài chính năm 2021 ("BCTC") sau khi kiểm toán so với báo cáo công ty lập và cùng kỳ năm trước. Bản giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 31 tháng 12 năm 2021 của PGT, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng và Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhằm mục đích đưa ra kết luận về việc liệu các Báo cáo tài chính năm có phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm hay không. Các giải trình cụ thể trong thư này giới hạn đối với các vấn đề trọng yếu. Những vấn đề được coi là trọng yếu nếu liên quan tới việc thiếu thông tin kế toán hoặc thiếu tính chính xác của thông tin kế toán có thể ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng thông tin kế toán, không phân biệt về quy mô. Chúng tôi xác nhận rằng (với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp):

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm

Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm; cụ thể là các Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm nêu trên đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm. Các nguyên tắc, thông lệ và phương pháp kế toán Công ty đã áp dụng đã được trình bày trên các Báo cáo tài chính năm. Sau khi kiểm toán Công ty Cổ Phần PGT Holdings giải trình báo cáo tài chính năm 2021 do công ty lập so với báo cáo tài chính được kiểm toán như sau:

1. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo tài chính riêng năm 2021 trước và sau kiểm toán

| Chỉ tiêu | Sau Kiểm toán | Trước kiểm | Chênh lệch |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 =2-3 |
| Chi phí tài chính | (1,600,091,031) | (160,112,525) | (1,439,978,506) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6,137,509,331 | 6,052,172,468 | 85,336,863 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (3,218,438,931) | (4,573,080,574) | 1,354,641,643 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (3,221,194,062) | (4,575,835,705) | 1,354,641,643 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (3,221,194,062) | (4,575,835,705) | 1,354,641,643 |

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

Tại thời điểm lập báo cáo quý 4/2021, công ty chưa đủ dữ liệu chính thức từ các đơn vị liên quan để đánh giá lại khoản đầu tư tài chính dài hạn. Sau khi các công ty con cung cấp Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. Công ty kiểm toán tập đoàn đã thực hiện việc đánh giá lại giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư dài hạn cho phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành và điều chỉnh các bút toán dẫn đến lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp sau khi kiểm toán và lợi nhuận sau thuế quý 4/2021 đã công bố chênh lệch tăng 1,354,641,643 đồng.

2. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 trước và sau kiểm toán

| Chỉ tiêu | Sau Kiểm toán | Trước kiểm toán | Chênh lệch |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 =2-3 |
| Giá vốn hàng bán | 639,876,102 | 1,733,590,308 | (1,093,714,206) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 188,262,841 | (900,447,835) | 1,088,710,676 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 3,095,728,694 | 3,299,486,121 | (203,757,427) |
| Chi phí tài chính | (6,161,763,773) | (5,983,393,913) | (178,369,860) |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 646,783,064 | 497,591,532 | 149,191,532 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 8,577,591,192 | 7,142,521,700 | 1,435,069,492 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 868,164,116 | 1,239,910,498 | (371,746,383) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 865,383,236 | 1,237,129,617 | (371,746,382) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 865,383,236 | 1,237,129,617 | (371,746,382) |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 574,476,477 | 873,354,780 | (298,878,304) |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 290,906,759 | 363,774,837 | (72,868,078) |

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

Chênh lệch chủ yếu là do tỷ giá quy đổi bình quân năm của công ty kiểm toán và của công ty liên quan đến BCTC công ty nước ngoài có sự khác nhau. Ngoài ra còn ảnh hưởng bởi các bút toán điều chỉnh của công ty kiểm toán tập đoàn liên quan đến Doanh thu - Giá vốn.

Chi phí quản lý tương ứng giữa giao dịch Công ty con và Công ty mẹ và các bút toán điều chỉnh khác của các Công ty kiểm toán công ty con.

2. Chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và năm 2020 báo cáo tài chính đã kiểm toán cụ thể như sau:

Báo cáo hợp nhất

| Chỉ tiêu | 2021 | 2020 | Chênh lệch |
|---|---------------|------------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 =2-3 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 828,138,943 | 2,598,076,738 | (1,769,937,795) |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 828,138,943 | 2,598,076,738 | (1,769,937,795) |
| Giá vốn hàng bán | 639,876,102 | 435,146,389 | 204,729,713 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 188,262,841 | 2,162,930,349 | (1,974,667,508) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 3,095,728,694 | 1,721,871,612 | 1,373,857,082 |
| Chi phí tài chính | | 13,516,506,264 | |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 646,783,064 | 606,891,832 | 39,891,232 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 8,577,591,192 | 8,048,737,264 | 528,853,928 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 868,164,116 | (17,680,441,567) | 18,548,605,683 |
| Thu nhập khác | - | 3,250,545 | (3,250,545) |
| Chi phí khác | (2,780,880) | 182,404,579 | (185,185,459) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 865,383,236 | (179,154,034) | 1,044,537,270 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 865,383,236 | (179,154,034) | 1,044,537,270 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 574,476,477 | (16,320,759,154) | 16,895,235,631 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 290,906,759 | (1,538,836,447) | 1,829,743,206 |

Báo cáo riêng

| Chỉ tiêu | 2021 | 2020 | Chênh lệch |
|---|-----------------|-----------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 =2-3 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp | 276,303,327 | 258,894,271 | 17,409,056 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 276,303,327 | 258,894,271 | 17,409,056 |
| Giá vốn hàng bán | 170,438,180 | 181,386,114 | (10,947,934) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 105,865,147 | 77,508,157 | 28,356,990 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 1,213,114,222 | 1,096,527,313 | 116,586,909 |
| Chi phí tài chính | (1,600,091,031) | 10,529,298,275 | |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 273,341,532 | 606,891,832 | (333,550,300) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6,137,509,331 | (495,611,825) | 6,633,121,156 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (3,218,438,931) | (8,859,650,980) | 5,641,212,049 |
| Thu nhập khác | - | 3,250,545 | (3,250,545) |

| | | | |
|--|-----------------|-----------------|---------------|
| Chi phí khác | 2,755,131 | 182,360,593 | (179,605,462) |
| Lợi nhuận khác | (2,755,131) | (179,110,048) | 176,354,917 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (3,221,194,062) | (9,038,761,028) | 5,817,566,966 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (3,221,194,062) | (9,038,761,028) | 5,817,566,966 |

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính, các công ty con cũng còn trong giai đoạn củng cố đầu tư, tuy có cải thiện tuy nhiên dưới ảnh hưởng của đợt dịch năm 2021 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động và doanh thu công ty con của tập đoàn.

Công ty Cổ phần PGT Holdings

